

Tư tưởng khoan dung Phật giáo góp phần bồi dưỡng phẩm chất đạo đức con người Việt Nam

ISSN: 2734-9195 10:25 19/12/2025

Vận dụng khoan dung trong tư tưởng triết học Phật giáo vào thực tiễn giúp định hướng tư duy một cách khoa học, qua đó hình thành lối sống nhân ái, tôn trọng và cảm thông.

Tác giả: **Trần Minh Mẫn (1)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

I. Đặt vấn đề

Tư tưởng khoan dung là một giá trị đạo đức phổ quát được thể hiện trong nhiều tôn giáo lớn trên thế giới. Công giáo đề cao tình yêu thương và sự tha thứ, Hồi giáo nhấn mạnh lòng bác ái và khoan dung giữa các tín đồ với cộng đồng, Nho đạo coi trọng “Nhân - Lễ - Nghĩa” để duy trì trật tự và sự hòa hợp xã hội. Tuy nhiên, với Phật giáo trong hệ thống lý luận của mình, khoan dung lại mang một chiều sâu đặc biệt thể hiện qua lòng từ bi, tinh thần vô ngã, vị tha và tôn trọng mọi sự khác biệt.

Không chỉ dừng lại ở quy phạm đạo đức, khoan dung trong Phật giáo còn là phương pháp thực hành để giải thoát con người khỏi đau khổ, xây dựng một đời sống nội tâm an lành, đồng thời góp phần hình thành nên một xã hội hài hòa, bao dung, những điều đặc biệt cần thiết trong thời đại ngày nay, không chỉ riêng Việt Nam, khi đời sống vật chất ngày càng phát triển nhưng tinh thần lại đối diện với nhiều khủng hoảng.



Hình mang tính minh họa (nguồn: Internet)

Khoan dung trong Phật giáo được nhiều học giả quan tâm nghiên cứu dưới các góc độ khác nhau. Trong buổi nói chuyện với chư tôn đức lãnh đạo Phật giáo cùng Phật tử tái chùa Quán Sứ, Hà Nội vào ngày 15/3/1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhấn mạnh: *“Phật giáo Việt Nam với dân tộc như bóng với hình tuy hay mà một. Tôi mong các hòa thượng, tăng ni và Phật tử hãy tích cực thực hiện tinh thần từ bi - vô ngã - vị tha trong sự nghiệp cứu nước, giữ nước và giữ đạo để cùng toàn dân sống trong độc lập, tự do, hạnh phúc”* (Thích Đức Nghiệp, 1995, trang 318) đã cho thấy tinh thần từ bi - vô ngã - vị tha của Phật giáo cần được phát huy hơn nữa trong sự nghiệp giữ nước và giữ đạo, nhằm xây dựng một xã hội hòa hợp, hạnh phúc. Từ góc nhìn triết lý, đạo đức tác giả Hoàng Thị Thơ, khẳng định: *“khoan dung là chìa khóa hòa bình cho sự cùng tồn tại và phát triển”* (Hoàng Thị Thơ, 2013). Bên cạnh đó, tác giả Nguyễn Đức Lữ cũng cho chỉ ra giá trị của Phật giáo trong việc phát huy truyền thống đạo đức người Việt Nam: *“Lòng nhân ái, đức khoan dung vốn có của người Việt bắt gặp đức từ bi của Phật giáo ... làm cho tính khoan dung tôn giáo càng được nhân lên và trở thành một trong những đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam”* (Nguyễn Đức Lữ, 2007).

Từ thực tiễn đó, việc tiếp tục nghiên cứu và làm rõ tư tưởng khoan dung trong triết học Phật giáo không chỉ góp phần khẳng định giá trị bền vững của đạo đức Phật giáo, mà còn mở ra những gợi ý cần thiết trong việc bồi dưỡng nhân cách con người Việt Nam hiện nay. **Để đạt được mục đích nghiên cứu, bài viết tập trung ba nhiệm vụ:** Một là, khái quát khái niệm khoan dung và tư tưởng khoan dung trong triết học Phật giáo. Nội dung và biểu hiện của tư tưởng khoan dung trong triết lý và hành đạo của Phật giáo; Hai là, phân tích vai trò của khoan dung trong triết học Phật giáo qua việc bồi dưỡng phẩm chất đạo đức

con người Việt Nam; *Ba là*, đề xuất các giải pháp phát huy giá trị phẩm chất đạo đức và hạn chế những mặt tiêu cực của tư tưởng khoan dung trong triết học Phật giáo. Bài viết chủ yếu dựa trên các phương pháp như phân tích, tổng hợp tài liệu và đối chiếu để đưa ra các nhận định mang tính khoa học, thực tiễn và khả thi.

II. Nội dung

2.1 Khái quát khái niệm khoan dung và tư tưởng khoan dung trong triết học Phật giáo. Nội dung và biểu hiện của tư tưởng khoan dung trong triết lý và hành đạo của Phật giáo

2.1.1 Khái niệm về khoan dung và tư tưởng khoan dung trong triết học Phật giáo

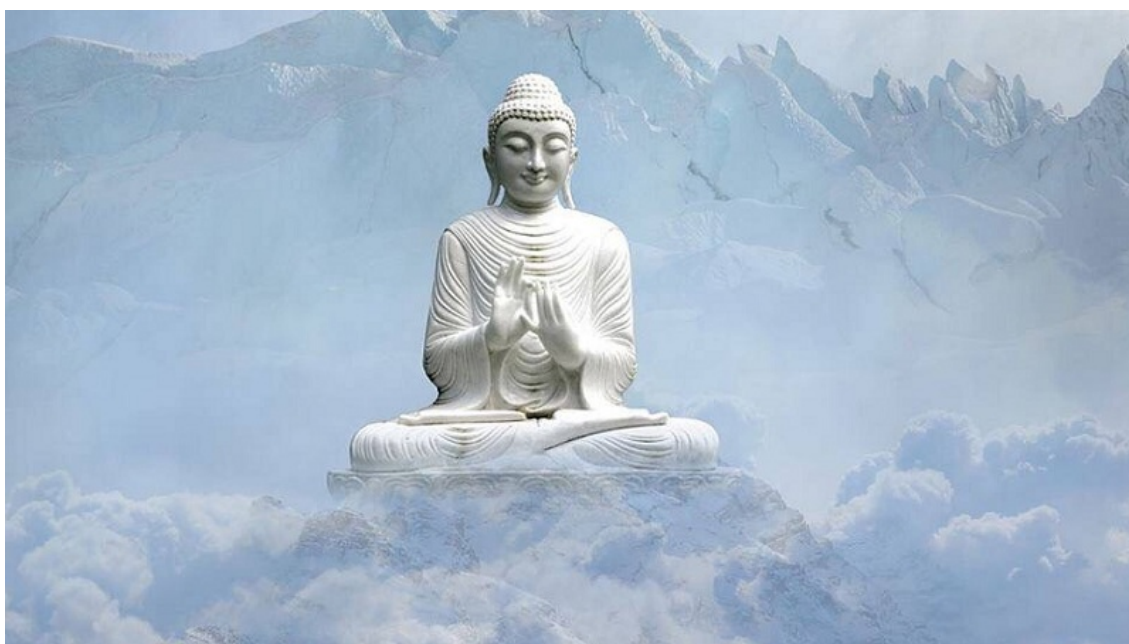
Khoan dung là một phẩm chất đạo đức được đề cao trong triết học phương Đông, lẫn phương Tây. Triết học phương Tây ngay từ thời Khai sáng, nhấn mạnh khoan dung như là một nguyên tắc sống chung trong xã hội đa nguyên, John Locke khẳng định: *“Khoan dung phù hợp với các mục đích chủ yếu của tôn giáo chân chính, các mục đích này thể hiện không phải là ở việc đạt tới ánh hào quang bên ngoài mà thể hiện ở việc điều tiết cuộc sống con người....”* (Đỗ Minh Hợp, 2004, trang 135), còn Voltaire: *“Tôi không đồng ý với quan điểm của bạn nhưng tôi sẵn sàng chết để bảo vệ quyền được nói của bạn”* (Tallentyre, 1919, trang 65).

Ở phương Đông, tư tưởng khoan dung xuất hiện trong Nho giáo qua việc *“kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân”* (điều mình không muốn làm, chớ làm cho người) (PGS.TS. Doãn Chính (chủ biên) và các cộng sự, 2004, trang 245), còn Lão giáo thể hiện qua tinh thần thuận tự nhiên, không cưỡng ép. Tuy nhiên, với Phật giáo khái niệm “khoan dung” được nhân rộng một cách sâu sắc với tinh thần “từ bi - vô ngã - vị tha”, không chỉ khoan dung với người khác, với giới tự nhiên mà còn là với chính mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: *“Phật giáo Việt Nam với dân tộc như bóng với hình ... hãy tích cực thực hiện tinh thần từ bi - vô ngã - vị tha trong sự nghiệp cứu nước, giữ nước và giữ đạo để cùng toàn dân sống trong độc lập, tự do, hạnh phúc”* (Thích Đức Nghiệp, 1995, trang 318) đã thêm phần làm nổi bật sức mạnh nội tâm và giá trị đạo đức mà Phật giáo mang lại cho con người và xã hội.

Như vậy, khoan dung không chỉ là một phẩm chất cá nhân mà còn là nền tảng đạo lý giúp con người hướng đến sự hài hòa trong đời sống, vượt qua thù hận và chia rẽ. Trong triết học Phật giáo, tư tưởng khoan dung được soi sáng bởi trí tuệ và lòng từ bi, từ đó trở thành kim chỉ nam cho cả đời sống tinh thần và ứng xử xã hội.

2.1.2 Một số nội dung chủ yếu của tư tưởng khoan dung trong triết học Phật giáo

Trong suốt chiều dài phát triển của mình, Phật giáo đã kiến tạo nên một nền triết lý về sự bao dung toàn diện, xuất phát từ cái nhìn nhân văn, giải thoát và từ bi đối với mọi sự vật hiện tượng.



Hình mang tính minh họa (nguồn: Internet)

Trước hết là về mặt bản thể, triết học Phật giáo nhìn nhận mọi sự vật hiện tượng trong thế giới đều mang tính “vô thường” và “vô ngã”. Không có bất kỳ thực thể nào tồn tại vĩnh viễn và có bản chất cố định cả *“Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng, tắc kiến Như Lai”* - Phàm những gì có hình tướng đều giả. Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, tức thấy Phật (Dao Tần Tam Tạng Pháp sư Cưu Ma La Thập (dịch), 2010, trang 16). Bởi không có bất kỳ thực thể nào tồn tại vĩnh viễn và cố định nên con người không nên chấp thủ, bám víu vào cái “tôi” mà cần rèn luyện cái nhìn buông bỏ, không phán xét tuyệt đối. Từ đó, thái độ khoan dung được hình thành nên như một hệ quả tất yếu: biết thấu hiểu và cảm thông thay vì hận thù. Quan điểm này là nền tảng để xây dựng nên một thế giới quan và nhân sinh quan sâu sắc, giàu tính nhân văn.

Về mặt thế giới quan, tư tưởng khoan dung trong triết học Phật giáo được xây dựng trên nguyên lý “Duyên khởi” với quan niệm “Do cái này có nên cái kia có, do cái này sinh nên cái kia sinh. Do cái này không nên cái kia không, do cái này diệt nên cái kia diệt” (Thích Minh Châu (dịch), 1993) tức mọi vật đều có điều kiện kết hợp mà thành, không có cái gì tồn tại độc lập. Cách nhìn này dẫn đến sự thấu hiểu rằng, con người và thế giới không tồn tại biệt lập mà có quan hệ tương sinh, tương hỗ với nhau. Vì thế, sự khoan dung trong Phật giáo không chỉ là sự tha thứ cho người mà còn là thái độ sống hòa hợp với tất cả bao gồm con người, thiên nhiên và động vật. Một người hành xử khoan dung theo tinh thần Phật giáo là người hiểu rằng mỗi hành vi sai trái đều có nguồn gốc từ “vô minh”, từ hoàn cảnh và do “nghiệp”, nhận thức như vậy khiến học đối xử với người khác bằng tâm từ bi thay vì oán trách họ.

Về mặt nhân sinh quan, Phật giáo xem con người có khả năng chuyển hóa khổ đau thông qua sự tu tập và giác ngộ. Trong kinh Pháp cú có đoạn: “Ý dẫn đầu các pháp, ý tạo làm chủ, ý tạo tác. Nếu với ý ô nhiễm, nói lên hay hành động. Khổ não sẽ theo sau, như vật kéo bánh xe.” (HT. Thích Minh Châu (dịch), 1977, trang 13) . Do đó, mục tiêu sống không phải là để tranh giành hay phán xét lẫn nhau mà cùng nhau hướng đến sự giải thoát và an lạc ở hiện tại. Vì vậy, “khoan dung” đã trở thành một phẩm chất cần thiết để mỗi cá nhân thanh lọc nội tâm, xây dựng cuộc sống nội tại bình an, đồng thời góp phần tạo một xã hội hòa bình, nhân ái. Người có lòng khoan dung không chỉ tha thứ cho người khác mà còn học cách tha thứ cho mình, sống tự tại, vượt qua đau khổ, sân hận và hơn thua.

Như vậy, tư tưởng khoan dung trong triết học Phật giáo không đơn thuần là một lời khuyên đạo đức mà là kết tinh từ một hệ thống triết lý sâu sắc và toàn diện. Bắt nguồn từ cách nhìn sự vật và thế giới xung quanh trong sự biến đổi và liên hệ mật thiết với nhau, tinh thần khoan dung của Phật giáo chính là những đóng góp quan trọng vào kho tàng đạo đức truyền thống dân tộc Việt Nam nói riêng và triết học nhân loại nói chung.

2.1.3 Biểu hiện của tư tưởng khoan dung trong triết lý và hành đạo của Phật giáo

Về mặt triết lý, khoan dung thể hiện trước hết ở quan điểm “vô ngã” và “từ bi”. Phật giáo không chấp nhận một bản ngã cố định, vĩnh cửu. Con người, theo đó, không nên khư khư bám víu vào cái tôi của mình mà phải biết mở lòng, biết tha thứ, biết đặt lợi ích của tha nhân vào trong suy nghĩ và hành động. Tinh thần “từ bi” và “yêu thương” tất cả chúng sinh như chính bản thân mình chính là cốt

lỗi giúp hình thành nên thái độ khoan dung sâu sắc, vượt lên trên sự phân biệt, hận thù hay đối đầu.

Về phương diện hành đạo, tư tưởng khoan dung được thể hiện thông qua lối sống hòa bình, không bạo lực, không đối kháng. Người tin theo Phật giáo phải luôn giữ tâm ôn hòa, lấy nhẫn nhục làm sức mạnh, lấy lòng từ để cảm hóa và việc làm đó không có nghĩa là dung túng cái ác, mà là dùng trí tuệ và từ tâm để cảm hóa, chuyển hóa cái xấu bằng thiện chí và hiểu biết. Điều này góp phần xây dựng một cộng đồng Phật tử sống chan hòa, bao dung với nhau và với các tôn giáo, tín ngưỡng khác.

Ngoài ra, khoan dung còn thể hiện qua tinh thần hòa nhập và tiếp biến văn hóa. Trong suốt quá trình truyền bá ở nhiều quốc gia, Phật giáo luôn có khả năng dung hòa với các yếu tố bản địa, không áp đặt, không bài xích mà biết tôn trọng sự khác biệt, chấp nhận đa dạng văn hóa đây được xem là một biểu hiện cao của khoan dung trong thực hành giáo lý.

Nhìn chung, tư tưởng khoan dung trong Phật giáo không chỉ nằm trong giáo lý mà còn được thể hiện rõ ràng trong hành đạo. Chính sự kết hợp giữa triết lý sâu sắc và hành động thiết thực ấy đã tạo nên một nền đạo lý khoan hòa, nhân văn, góp phần nuôi dưỡng đời sống đạo đức và tinh thần của con người trong xã hội.

2.2 Vai trò của khoan dung trong triết học Phật giáo qua việc bồi dưỡng phẩm chất đạo đức con người Việt Nam

2.2.1 Mặt tích cực

Thứ nhất, xây dựng và hoàn thiện đạo đức con người dựa trên nền tảng đạo đức của Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo.

Xuất phát từ *Ngũ giới* và *Thập thiện*, sau khi truyền vào Việt Nam, tư tưởng khoan dung của Phật giáo tiếp xúc với truyền thống đạo đức của người Việt Nam, lại càng tỏ rõ hơn trong việc gắn kết với xã hội, đặc biệt là trong hành động ứng xử xã hội. Hành động ấy được cụ thể qua việc không ham muốn đồ của người khác hay quyến rũ người khác, điều này được nêu rõ trong giới cấm “*không trộm cắp*” và “*không tà dâm*”. Trong giao tiếp, cần phải nói lời hòa nhã chứa lòng từ và trong tư duy không được suy nghĩ một cách thiển cận, suy nghĩa xấu. Chỉ khi con người làm được những việc này, chính là đang làm việc thiện.



Hình mang tính minh họa (nguồn: Internet)

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn tôn trọng đức tin của người có đạo và coi tôn giáo là di sản văn hóa của nhân loại, thừa nhận trong lý tưởng của các vị sáng lập tôn giáo chứa đựng các giá trị đạo đức, nhân văn cao đẹp đồng thời có nhiều điều tương đồng với lý tưởng của cách mạng. Vì thế, Người khéo hướng lý tưởng của các tôn giáo vào mục tiêu giải phóng dân tộc và mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân và phấn đấu hết mình cho đoàn kết lương – giáo trong đại đoàn kết dân tộc. Người nói: *“Việt Nam ngày nay chỉ có một đảng phái là toàn dân quyết tâm giành độc lập. Tín đồ Phật giáo tin ở Phật, tín đồ Giatô tin ở Đức Chúa Trời, cũng như chúng ta tin ở Đạo Khổng ... nhưng đối với nhân dân, ta đừng có làm gì trái ý dân. Dân muốn gì, ta phải làm nấy”* (Hồ Chí Minh, 2011, trang 169).

Hiện nay, trên thế giới vẫn đang diễn ra những cuộc chiến tranh xung đột đẫm máu về dân tộc, sắc tộc, tôn giáo... Do thiếu một tinh thần “khoan dung”, họ tự coi mình là độc tôn, đi tới kỳ thị, dị hóa với tất cả cái gì không phải là mình. Chính trong một thế giới còn đang tồn tại quá nhiều sự cuồng tín và tàn bạo, nhân loại đang rất cần đến tinh thần khoan dung. Bồi dưỡng, phát triển và nâng cao tinh thần khoan dung đang là một yêu cầu cấp bách, trong đó việc kết hợp tư tưởng khoan dung trong triết học Phật giáo với tư tưởng của Hồ Chí Minh như một giá trị tiêu biểu cho văn hóa khoan dung của thời đại hiện nay để hoàn thiện và bổ sung vào đạo đức con người.

Thứ hai, phát triển và gắn kết các mối quan hệ xã hội giữa cộng đồng với các tổ chức tôn giáo, tổ chức Nhà nước.

Với mục đích đưa đạo Phật trở thành một khoa học gắn với thực tiễn. Với tinh thần “từ bi” đem lại cho đời sống con người hiện nay về mặt đạo đức với nhiều

lĩnh vực trong đó đáng được phát huy và tiêu biểu nhất chính là sự ra đời của các mái ấm tình thương, cứu mang những người già cơ nhỡ và trẻ em mồ côi. Bên cạnh cứu mang những trẻ em mồ côi, người già neo đơn các cơ sở thờ tự này còn tiếp thêm nguồn động lực nuôi dưỡng các sinh viên học tập xa nhà, chắp cánh cho họ có một tương lai tươi sáng, một số được cộng đồng biết đến nhiều như: Chùa Diệu Đức ở Huế nơi nuôi dưỡng và cứu mang hơn 40 bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS; Chùa Lâm Quang ở Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh do Ni sư Thích nữ Huệ Tuyến hiện đang là trụ trì nuôi dưỡng hơn 100 người trong đó gồm trẻ em và người cao tuổi; Chùa Kỳ Quang ở Gò Vấp do Thượng tọa Thích Thiện Chiếu - tu sĩ phái Nam tông làm trụ trì đã cứu mang hơn 200 trẻ em mồ côi; Chùa Bửu Trì tại Thành phố Cần Thơ do Sư cô Thích nữ Quảng Trí trụ trì đã cứu mang hơn 100 trẻ em mồ côi, trẻ khuyết tật và các cụ già neo đơn.

“Từ thiện” trong các kinh điển nghĩa là hành sự “Bố thí”, với xã hội hiện đại nó không chỉ còn ở một cá nhân nữa mà là tập thể với các hoạt động thiện nguyện. Tiêu biểu cho việc này chính là việc xây dựng các quỹ thiện nguyện, quỹ cơm từ thiện, hỗ trợ thiên tai với sự kết hợp giữa chùa chiền và Phật tử. Việc liên kết thành nhóm từ thiện như thế tạo nên sự công bằng cho mọi người khi ai cũng có thể làm thiện nguyện, mặc dù hoàn cảnh của họ cũng còn hạn chế về vật chất nhưng vẫn muốn giúp đời.

Năm 2020 là một năm hết sức thê thảm đối với thế giới cũng như Việt Nam, khi vừa hứng chịu đại dịch Covid-19 vừa xong thì miền Trung lại hứng chịu bão và áp thấp nhiệt đới gây thất thu lên đến 23 tỷ USD (Minh Anh, 2021). Trước tình hình đó, những tấm lòng thiện nguyện của nhiều mạnh thường quân đã quyên góp lên đến vài chục tỷ đồng. Đây là một trong những ảnh hưởng về sự khoan dung không ngại gian nan, nguy hiểm của tư tưởng Phật giáo đã ảnh hưởng sâu vào trong tâm thức người dân Việt Nam.

Phong trào *“Cởi áo Cà-sa khoác áo Blouse trắng tham gia tuyến đầu chống dịch”* do Giáo hội Phật giáo và các cấp cơ sở thờ tự phát động đã cho thấy tinh thần “khoan dung” của Phật giáo đã góp phần thúc đẩy đạo đức, niềm tin cá nhân của con người lại với nhau. Hơn hết đó còn là việc chung tay góp phần xây dựng một Nhà nước văn minh và vững mạnh.

Với hậu phương, phong trào *“Bữa cơm yêu thương trong vùng tâm dịch”* của các tín đồ, Tăng ni Phật giáo mà hàng chục nghìn bữa cơm nhân ái được đưa tới các bệnh viện dã chiến, cơ sở cách ly mỗi ngày phục vụ từ 10.000 đến 20.000 suất,... Nhận thấy giá trị, hiệu quả của hoạt động này, ngày 1/8/2021, Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam có công văn số 192/HĐTS-VP1 gửi tới Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam các tỉnh, thành phố; Tăng-ni, Phật tử các chùa,

cơ sở tự viện, đề nghị tích cực hơn nữa thực hiện và lan tỏa phong trào bữa cơm yêu thương trong vùng tâm dịch.

Trong công tác Vaccine chống dịch cho đồng bào, Giáo hội Phật giáo và các cơ sở thờ tự cũng như các tín đồ đã hưởng ứng tích cực *Lời kêu gọi* của Đảng và Nhà nước, trong việc đóng góp, ủng hộ Quỹ vaccine phòng COVID-19 đến hơn 150 tỷ đồng nhằm góp thêm nguồn lực vào công tác phòng, chống dịch, bên cạnh việc phát huy và phối hợp tối đa vai trò của các cơ sở khám, chữa bệnh của tổ chức tôn giáo trực thuộc, các phòng thuốc nam, Tuệ Tĩnh đường...

Ngoài ra, với quan niệm *“Phục vụ chúng sanh là cúng dường chư Phật”* đối với những nạn nhân bị HIV/AIDS, Phật giáo Việt Nam cũng đã tích cực không ngừng vận động, tuyên truyền nâng cao sự hiểu biết của Phật tử đặc biệt là thanh thiếu niên trẻ trong việc phòng tránh lây nhiễm HIV qua các khóa tu mùa hè, sinh hoạt chúng thanh niên Phật tử được xã hội và nhà nước đánh giá cao, qua việc tuân thủ điều trị HIV/AIDS. Theo chia sẻ của chị N.T.L *“Từ khi tôi biết mình bị nhiễm HIV và vào chùa sống tôi nhận được rất nhiều sự hỗ trợ từ phía dự án nhưng điều lớn nhất mà tôi nhận được đó chính là sự nâng đỡ về mặt tinh thần của các thầy trong chùa nếu không có họ động viên, an ủi lúc đau yếu thì không biết cuộc đời tôi sẽ đi về đâu?”* (Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam, 2010, trang 156). Những việc làm trên tất cả góp phần làm giảm nguyên nhân lây nhiễm HIV và giảm nguy cơ chuyển từ giai đoạn HIV sang AIDS.

Từ mặt cá nhân và xã hội, Phật giáo còn quan tâm đến cả đời sống đạo đức gia đình. Đạo Phật hay tư tưởng Phật giáo chủ trương *“Thiên kinh vạn quyển, hiếu nghĩa vi tiên”*. Khoan dung ở đây không những được thể hiện dưới đạo đức hiếu nghĩa mà còn được thể hiện với ý nghĩa bình đẳng mang tính dân chủ trong mối quan hệ vợ chồng, con cái. Đây là một nguyên tắc ứng xử đơn thuần trong đạo đức gia đình người Việt Nam hiện nay, qua việc biết ơn, kính trên nhường dưới. Các hoạt động “Cầu nguyện hòa bình cho biển Đông”, “Cầu siêu” cho các chiến sĩ nơi hải đảo hay các chiến sĩ áo trắng, những bệnh nhân qua đời vì dịch Covids,... không chỉ mang một hình thức của tâm linh mà còn là hoạt động mang tính chất đạo đức trong việc an ủi, bù đắp mất mát, tổn thương đến các gia đình có người thân qua đời, đây cũng là một sự khoan dung, từ bi của Phật giáo đến với đất nước trong việc “Uống nước nhớ nguồn”. Xét về mặt lý luận, đây là cơ sở nhân văn để hình thành các khuôn khổ đạo đức khác. Bởi, đức Phật xem con người là trọng tâm, điều này được khẳng định qua “phật tính” sau đó được nước ta tiếp biến thành tinh thần bình đẳng trong xã hội phong kiến duy trì cho tới ngày nay trên con đường thoát khổ, giải thoát và lương tâm con người *“Phật tính bình đẳng nơi chúng sanh”* và con người chính là “tâm điểm của xã hội loài người”.

Với tính hướng về nội tâm và phản tỉnh hơn là xử lý các quan hệ bên ngoài, chính vì thế mà tư tưởng Phật giáo đặc biệt là tư tưởng khoan dung luôn phát huy tối đa tính tự chủ của cá nhân trong việc thực hành các quy tắc đạo đức. Đây cũng là việc đề cao sự rèn luyện trí tuệ và giải thoát của con người.

Về mặt thực tiễn, tư tưởng khoan dung trong triết học Phật giáo ảnh hưởng đến đời sống đạo đức con người Việt Nam hiện nay thông qua việc góp phần giáo dục, xây dựng và hoàn thiện con người về đạo đức. Bởi trong tư tưởng của Phật giáo, cái mà Phật giáo muốn hướng đến chính là con người hoàn thiện, làm lành lánh dữ, con người vô ngã vị tha, sẵn sàng vì người mà quên mình, con người của lòng nhân ái, bao dung. Bên cạnh đó, tư tưởng khoan dung trong triết học Phật giáo về đạo đức đã giúp xã hội Việt Nam thêm phần củng cố, bù đắp các thiếu hụt trong đời sống tinh thần và xây dựng một xã hội nhân ái, vị tha, hòa bình, giúp con người an lạc thân tâm và sống thanh thản khi hiểu được các giá trị cuộc sống mà đạo đức Phật giáo đem lại.

2.2.2 Mặt hạn chế

Về mặt tích cực là vậy song bên cạnh đó cũng có mặt tiêu cực. Việc đánh vào lòng lương thiện của người khác không ít một số cá nhân lợi dụng lòng tin của một số người nhẹ dạ mà trục lợi từ các quỹ thiện nguyện làm cho dư luận phẫn nộ, xôn xao. Đây cũng là một hạn chế trong tư tưởng khoan dung của triết học Phật giáo do quá “từ bi” thương người mà trở thành người nhẹ dạ, cả tin không sáng suốt.



Với bản thân mỗi cá nhân, trong việc xây dựng các mối quan hệ việc chúng ta quá “khoan dung” và che chở cho người khác quá mức dẫn đến chúng ta chỉ

biết quan tâm đến mong muốn, nhu cầu cũng như tâm lý của người khác mà quên đi những mong muốn và nhu cầu của bản thân mình. Việc cố gắng làm hài lòng người khác đôi khi lại đồng nghĩa với việc đánh mất đi mong muốn và cảm xúc của chính mình. Nói cách khác, chúng ta chỉ đang giả vờ làm gì đó để mọi người cảm thấy vui vẻ. Việc gượng ép làm theo những điều mình không thích chỉ để làm vui lòng người khác về lâu dài sẽ có thể làm tổn thương chính mình và gây ảnh hưởng xấu đến các mối quan hệ mà chúng ta đang có.

Song, trong bối cảnh công nghệ khoa học kỹ thuật phát triển như hiện nay dựa trên thế giới quan duy vật của Chủ nghĩa Mác - Lênin việc mang màu sắc duy tâm trong Phật giáo vẫn còn nặng trĩu bởi Phật chỉ chú ý đến cái tâm mà không quan tâm đến cuộc sống hiện tại dẫn đến phi thực tế trong đời sống thực tại.

Ngoài ra, tư tưởng Phật giáo chỉ quan tâm đến việc giải thích phương pháp để thoát khổ bằng các việc làm đạo đức như “Bồ thí”, nhưng không có sự chỉ dẫn cho con người cách tạo ra vật chất để có dư mà “Bồ thí”. Do đó, để thực hiện đúng tư tưởng khoan dung trong triết học Phật giáo về mặt đạo đức ở hiện nay thì cần phải có tư duy tích cực và sáng tạo tránh trường hợp bị lợi dụng.

2.3 Một số giải pháp phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của tư tưởng khoan dung trong triết học Phật giáo

2.3.1 Một số giải pháp phát huy mặt tích cực

Một là nâng cao giá trị con người hướng tới một xã hội bình yên, hạnh phúc.

Với những người tu sĩ việc học tại các trường cao đẳng, trung cấp, học viện Phật giáo là một việc vô cùng ý nghĩa cần được nêu rộng, phát triển bởi nó không những giúp ích cho xã hội, cho Tổ quốc trong việc giáo dục truyền thông yêu nước mà còn giúp ích cho những người tu hành nâng cao giá trị đạo đức của mình theo xu hướng thế tục hóa “tốt đời, đẹp đạo”. Trong cơ chế thị trường hiện nay, bản năng ích kỷ trong con người ở một số bộ phận người dễ có cơ hội nảy sinh và phát triển. Chứng minh cho những sự việc này là sự lừa gạt, lừa dối lẫn nhau thông qua việc mua – bán, “boom” hàng, tuyên truyền và lợi dụng những hoàn cảnh nghèo khó của người khác mà trục lợi hay thiết thực hơn là những vấn đề mang tính “bạo lực”... do đó đề cao giá trị con người về mặt đạo đức, hướng con người hành thiện xây dựng xã hội an bình là một trong những việc làm cần quán triệt, sát sao nhất.

Với những quan niệm về “Thập thiện”, “Nhân - Quả”, “Luân hồi”,... kết hợp với quan niệm bình dân như “ở hiền gặp lành”, “thiện lai thiện báo”,... dù mang màu sắc duy tâm song với ý nghĩa mà nó mang lại đã góp phần giúp cho cá nhân con người có thái độ sống tích cực trong lời nói, hành động của mình với xã hội và có trách nhiệm bản thân hơn, điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với cái “Thiện”.

Bất kể quốc gia nào dù có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, có nền chính trị vững vàng với nền tài chính công khai minh bạch và pháp luật nghiêm minh, chặt chẽ đến đâu thì vẫn có chỗ cho “tham, sân, si” phát triển dẫu có ngăn chặn thì nhiều lần cũng chỉ ngăn được ở mức nhất định. Tuy nhiên, nếu trong mỗi cá nhân biết tự kiểm điểm, kiểm soát những ham muốn dục vọng của mình như thuyết của nhà Phật thì đó lại là phương pháp có hiệu quả nhất để hạn chế được những tội ác, dối trá và tham nhũng trong bối cảnh phát triển của thời đại kinh tế - xã hội loài người hiện nay.

Hai là nêu cao tinh thần dẫn thân phụng sự nhân sinh của các nhà tu sĩ và Phật tử.

Trong bối cảnh hiện nay, ngoài việc tụng niệm và thiền định xen lẫn những việc làm về an sinh xã hội nhằm xoa dịu, xóa bỏ những nỗi khổ, niềm đau của con người thì các nhà tu sĩ và Phật tử cần phải tiếp tục đẩy mạnh và thực hiện nghiêm túc trong việc quan tâm đến các cơ sở như: mô hình Tuệ Tĩnh Đường bốc thuốc nam trị bệnh miễn phí, bệnh viện từ thiện, nhà dưỡng lão, cô nhi viện,... và các hoạt động thiện nguyện từ tâm: trao tặng học bổng, quyên góp ủng hộ đồng bào bị bão lũ, tặng quà cho người nghèo, Tăng Ni, Phật tử tích cực tham gia tuyến đầu chống dịch Covid-19, tổ chức chương trình hiến máu nhân đạo,... Tư tưởng và giáo lý của Đức Phật ít khi khuyến khích việc tu hành ở rừng sâu, núi thẳm, ẩn dật một mình mà Ngài luôn luôn khuyến khích tu sĩ phải năng nổ, nhiệt tâm, hăng hái dẫn thân vào cuộc đời để tương tác, giúp đỡ, phụng sự, hoằng pháp với cộng đồng, với xã hội. Bởi vì đây là cách giúp cho đạo Phật tỏa sáng trong nhân gian “*Các Tỳ Kheo, vì lòng từ mẫn của mình các vị hãy đem sự tốt đẹp, lợi ích và hạnh phúc đến cho chư Thiên và nhân loại. Mỗi người hãy đi một ngã. Hãy hoằng dương Giáo Pháp một cách toàn hảo ...*” (Thích Minh Châu, 2019, trang 230).

Dẫn thân phụng sự chính là quay về với lịch sử của Đức Phật Thích Ca trong việc hành đạo. Do vậy, các nhà tu sĩ và các tín đồ Phật tử cần phải luôn luôn tích cực, nhiệt tình, hăng hái và nỗ lực không ngơi nghỉ, không mệt mỏi để hoằng pháp lợi sanh, phụng sự nhân sinh nhằm truyền bá, chia sẻ chân lý Phật, giúp cho nhiều người, nhiều loài được sống an vui và hạnh phúc.

2.3.2 Một số giải pháp hạn chế mặt tiêu cực

Nếu như mục đích và lý tưởng của người xuất gia là giải thoát, giác ngộ, thì việc tu học Phật của người tại gia chính là trải nghiệm tất cả hạnh phúc trần đời của thế tục, thụ hưởng các phước báu hữu lậu về tài sản, sắc đẹp, tuổi thọ, trí tuệ, bình an,... Thế nhưng, phần lớn tu sĩ Phật giáo hiện nay lại hành đạo bằng cách chú trọng hướng dẫn Phật tử những bài kinh, những giáo lý hay cách thức tu học thiên về triết lý giải thoát, giác ngộ vô cùng cao siêu, khó thực hiện và hoàn toàn chưa đúng với nhu cầu đời sống của người cư sĩ. Do vậy, tu sĩ Phật giáo cần nghiêm túc nhìn nhận lại cách hành đạo của mình, cải thiện và thay đổi một cách logic và có tính biện chứng để có thể phụng sự nhân sinh ngày càng tốt hơn.

Dựa vào tính truyền thông và tiếp cận nhanh của mạng xã hội mà việc truyền bá tư tưởng của Phật giáo qua các bài thuyết pháp trở nên phổ biến và bổ ích. Tuy nhiên, trong một vài khía cạnh những bài thuyết pháp còn quá duy tâm và xa rời thực tế. Hơn nữa, việc quá nổi tiếng được nhiều người biết đến thông qua các trang mạng, không ít những vị giảng sư sinh ra “bệnh tự kiêu” để cao bản thân tu hành của mình và đề cao thái hóa vị trí của Phật giáo từ đó dẫn đến việc dùng những lời lẽ xúc phạm chỉ trích, bôi nhọ các cá nhân, tôn giáo khác gây mất tình đoàn kết dân tộc. Những vấn nạn về mê tín, bạo lực trong nhà trường ở thanh thiếu niên và cuộc sống hôn nhân gia đình vẫn còn nhiều và ngày càng man rợ hơn. Bên cạnh đó việc lợi dụng tôn giáo để là bày trò mê tín và nghiêm trọng hơn là những việc chống phá Đảng và Nhà nước.

Như thế, để thực hiện tốt giải pháp tập trung nâng cao trình độ nhận thức, thống nhất các quan điểm, tư tưởng của Phật giáo đến với các vị chức sắc, các tín đồ Phật tử trong đạo thì Đảng, Nhà nước và tôn giáo đặc biệt là Phật giáo cần phải dựa trên Hiến pháp và Luật tín ngưỡng Tôn giáo trong việc phân định rõ vai trò của Đảng, công tác quản lý của Nhà nước với Tôn giáo. Đảng và Nhà nước cần nên không ngừng vận động đồng bào có đạo tham gia thực hiện tốt các phong trào thi đua yêu nước trong việc đấu tranh chống lại những hủ tục mê tín và những việc làm gây tổn thương đến tình cảm dân tộc.

Mặc dù, tu hành khác tông phái nhưng khi thực hiện giáo lý tư tưởng của Phật giáo cũng cần phải tu dưỡng và nâng cao trình độ học vấn. Những bài giảng pháp đến với cộng đồng xã hội khi đăng tải lên các trang mạng xã hội cũng cần phải xem xét một cách nhất quán và đồng thuận tránh trường hợp “chín người mười ý” gây nên sự mâu thuẫn giữa các tín đồ trong đạo với các tín đồ khác đạo. Và đặc biệt hơn trong những bài thuyết pháp của mình các vị Tăng-ni cần phải mạnh dạng lồng ghép tuyên truyền về pháp luật, chủ trương của Đảng và

Nhà nước sao cho phù hợp với tình hình thực tiễn và mạnh dạn hơn trong các chủ đề thuyết pháp về đạo đức nhằm đẩy lùi và khắc phục nhanh vấn đề “bạo lực” bởi đây chính là hạt nhân, là tiền đề cho những xung đột lớn sau này.

Hiện nay với sự phát triển của mạng xã hội và sự “từ thiện” một cách tự phát vô tội vạ, đánh vào tâm lý thương người mà một số bộ phận người xấu đã thành lập các tổ chức quyên góp từ thiện qua việc đăng những hình ảnh nghèo khổ, tai nạn và bệnh tật,... nhằm chiếm đoạt tài sản, lừa lòng tin người khác. Việc bị lừa gạt như thế đã dần trở nên phổ biến khó phân biệt thật hay giả, đã làm cho một bộ phận người trở nên thờ ơ, vô tâm trước các hoàn cảnh thật sự khó khăn đang thật sự cần sự giúp đỡ, điều đó giống như câu chuyện “Câu bé chăn cừu và bầy sói” vậy. Trước thực trạng như thế, Đảng và Nhà nước cùng với các vị chức sắc trong tôn giáo cần phải liên kết và phối hợp với nhau để tạo một nguồn quỹ quyên góp từ thiện và sao kê tài sản quyên góp một cách minh bạch nhằm tạo sự tin cậy, cũng như giúp cho các tín đồ và những người có lòng hảo tâm với mong muốn làm thiện nguyện được giúp đúng người, đúng thời điểm.

III. Kết luận

Trong Kinh Pháp cú, có đoạn: *“VớI hận diệt hận thù, đời này không có được. Không hận diệt hận thù, là định luật ngàn thu”* (HT. Thích Minh Châu (dịch), 1977, trang 14-15). Lời dạy ấy, của Phật chính là sự kết tinh trồn vẹn của tinh thần khoan dung và được xây dựng trên nền tảng về sự “từ bi”, “vị tha” và “hòa ái”, đây không chỉ là giá trị đạo đức phổ quát mà còn hòa nhập sâu vào với truyền thống văn hóa - đạo đức con người Việt Nam.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Toàn quốc lần thứ IX của Đảng xác định: *“Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình,...”* (Đảng Cộng sản Việt Nam, Hà Nội, trang 114) và tiếp tục được khẳng định tại Văn kiện Đại hội XIII: *“Phát huy giá trị, văn hóa sức mạnh con người Việt Nam, khơi dậy mạnh mẽ khát vọng phát triển của dân tộc, tinh thần yêu nước, tự hào, ý chí tự cường và lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết và đồng thuận xã hội ... đề cao ý thức trách nhiệm, đạo đức xã hội”* (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, trang 221-222) và *“Từng bước vươn lên khắc phục hạn chế của con người Việt Nam”* (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, trang 143) - đây chính là những phẩm chất mà tinh thần khoan dung góp phần vun đắp.

Vận dụng khoan dung trong tư tưởng triết học Phật giáo vào thực tiễn giúp định hướng tư duy một cách khoa học, qua đó hình thành lối sống nhân ái, tôn trọng và cảm thông. Từ đó, góp phần bồi dưỡng, củng cố và phát huy phẩm chất tốt

đẹp của con người Việt Nam trong thời kỳ nguyên vẹn mình và hội nhập.

Tác giả: **Trần Minh Mẫn**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Chú thích:

1) Trường ĐH KHXH&NV-ĐHQG-HCM

Tài liệu tham khảo:

1] Dao Tần Tam Tạng Pháp sư Cưu Ma La Thập (dịch). (2010). Kinh Kim Cang. In Đ. T.-N. dịch), *Kim Cang Bát-Nhã-Ba-La-Mật Kinh, Âm - Nghĩa*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb Tôn giáo.

2] Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật.

3] Đảng Cộng sản Việt Nam. (Hà Nội). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. 2001: Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật .

4] Đỗ Minh Hợp. (2004). *Lịch sử triết học phương Tây_ Tập 2*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật.

5] Hoàng Thị Thơ. (2013). Tư tưởng khoan dung của Phật giáo và biểu hiện của nó ở Phật giáo Việt Nam. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 8 (69)*, 87-95.

6] HT. Thích Minh Châu (dịch). (1977). *Kinh Pháp cú*. Hà Nội: Nxb Tôn giáo.

7] Nguyễn Đức Lữ. (2007, 9 12). *Tính khoan dung của tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam*. Retrieved from Tạp chí Cộng sản: <https://tapchicongsan.org.vn/tin-tieu-diem-10-06/-/2018/1113/tinh-khoan-dung-cua-tin-nguong%2C-ton-giao-o-viet-nam.aspx#>

8] PGS.TS. Doãn Chính (chủ biên), PGS.TS. Trương Văn Chung, PGS.TS. Nguyễn Thế Nghĩa, PGS.TS. Vũ Tình. (2004). *Đại cương Lịch sử Triết học Trung Quốc*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.

9] Tallentyre, S. (1919). *Voltaire in His Letters being a seclection from His Correspondence*. New York and London: The Knickerbocker Press.

10] Thích Đức Nghiệp. (1995). *Hồ Chủ tịch, một biểu trưng nhân bản Việt Nam, trong Đạo Phật Việt Nam*. Hồ Chí Minh: Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.

11] Thích Minh Châu (dịch). (1993). *Kinh Tương ưng bộ*.

12] Thích Minh Châu. (2019). *Kinh Trường bộ*. Thành phố Hồ Chí Minh: Hồng Đức.